FireAnt

# CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

| Thông tin giao dịch | 28/06/2024 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 16,600 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 18,200 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 10,228 |
| SL cổ phiếu LH | 8,600,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 1,995 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.3% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 143 |
| P/E | 3.2 |
| EPS | 5,237 |

| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| TJC | 13.1% | 0.6% | 13.8% | 39.1% |
| VNINDEX | 10.0% | -2.7% | -3.0% | 11.4% |

## Cơ cấu Tổng tài sản

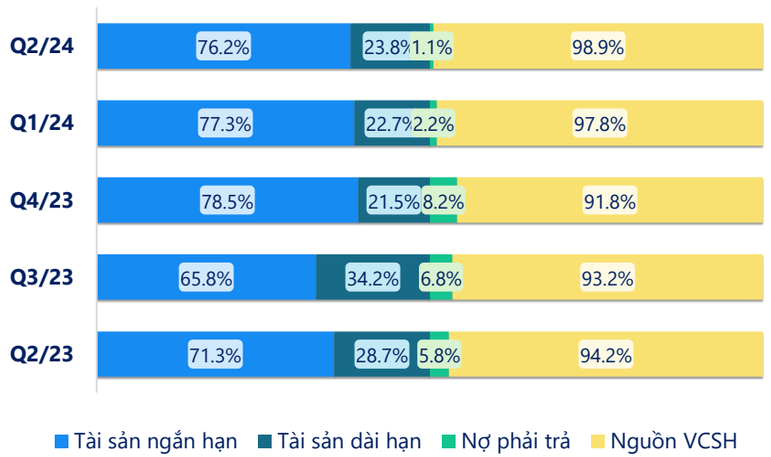


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

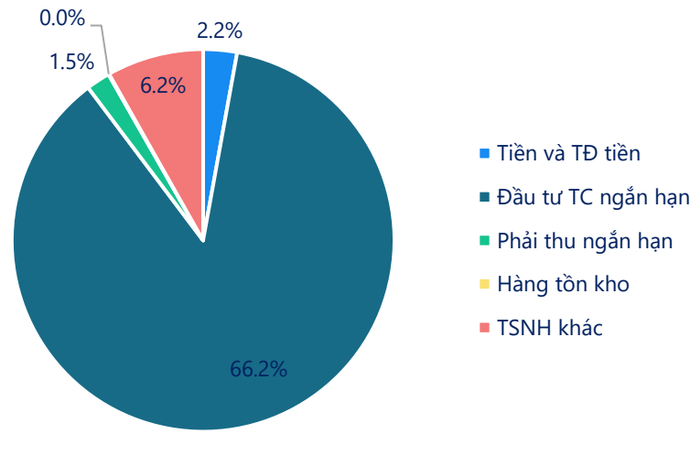


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu

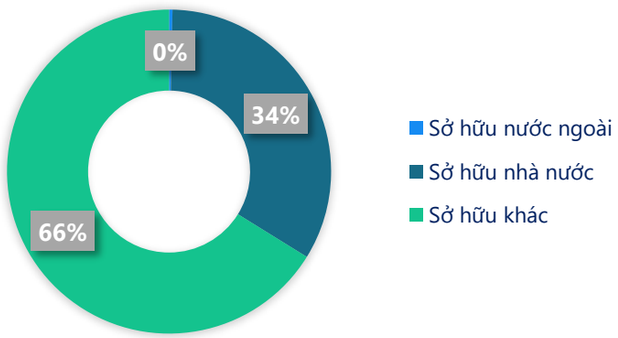


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

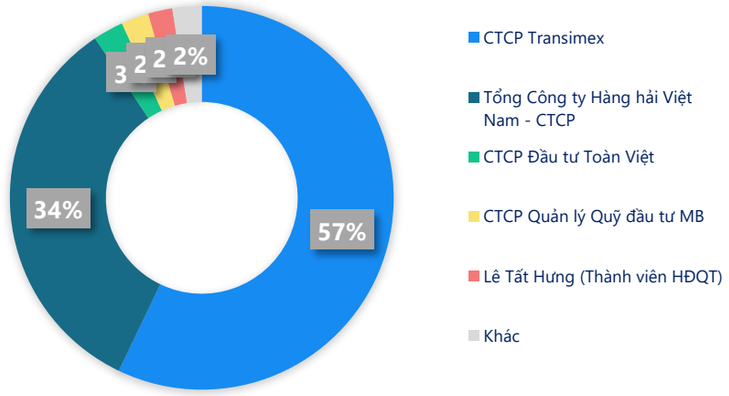


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

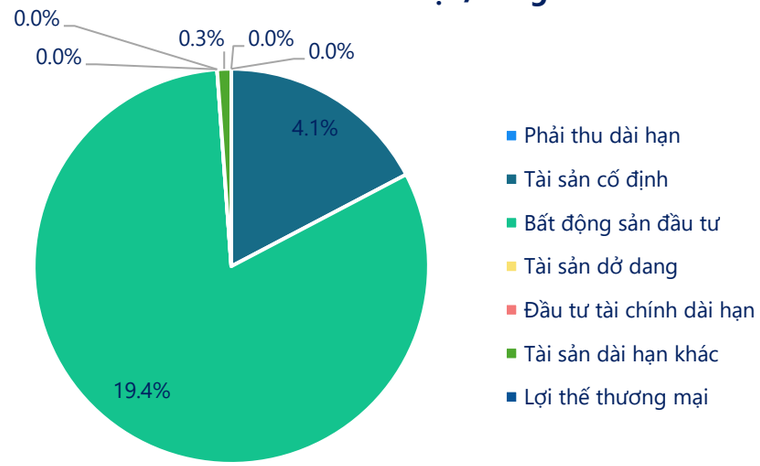


*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

# CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

## Tiền và tương đương tiền

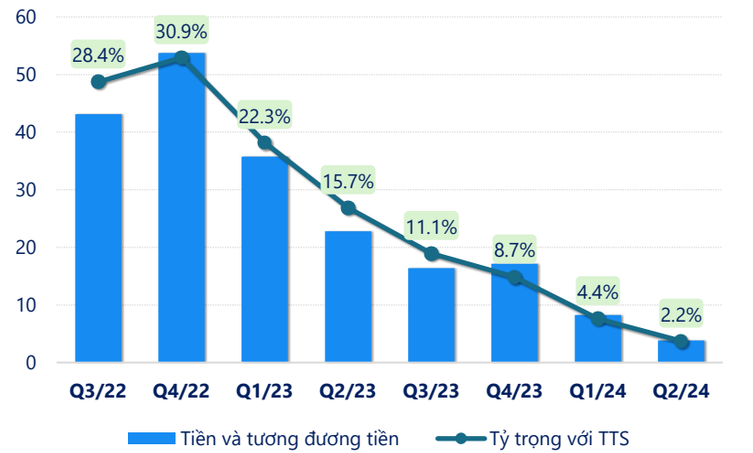


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn

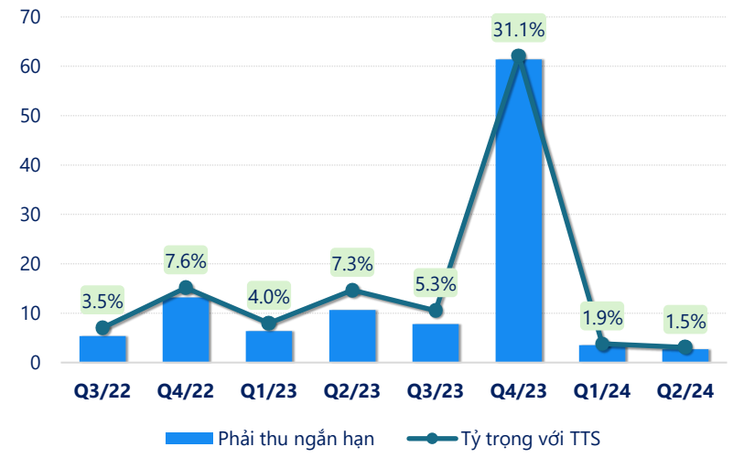


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho

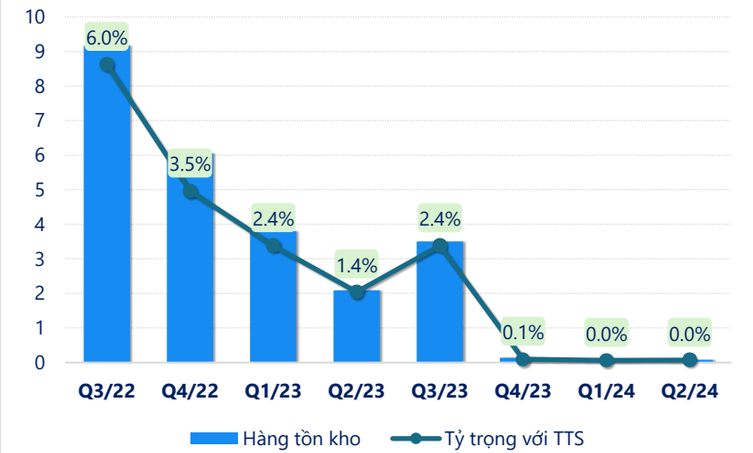


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định

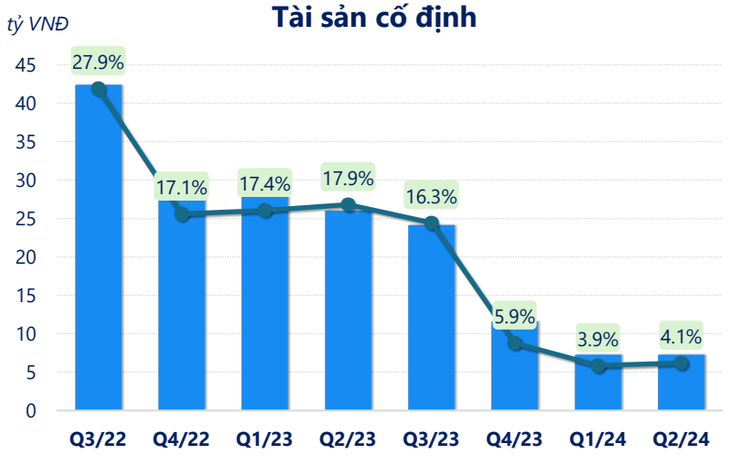


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay

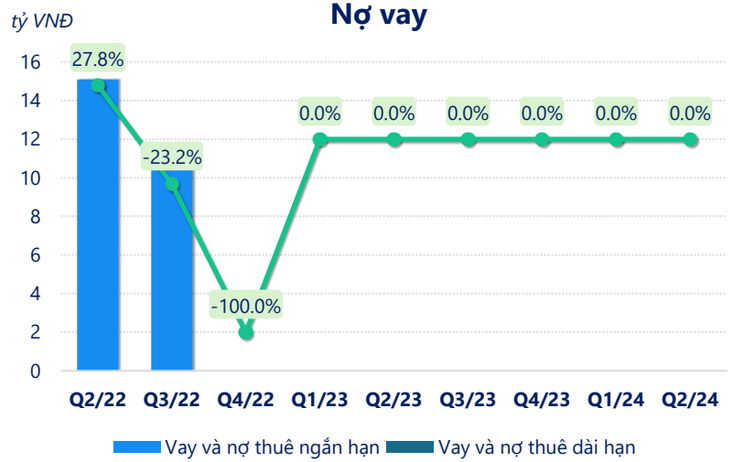


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu

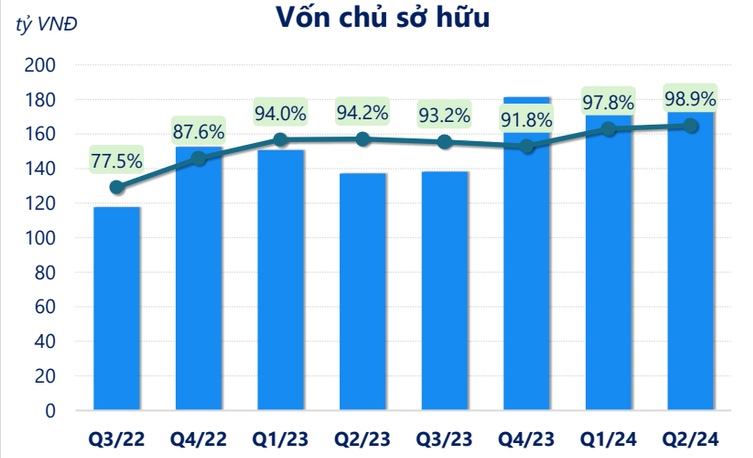


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

## Kết quả kinh doanh

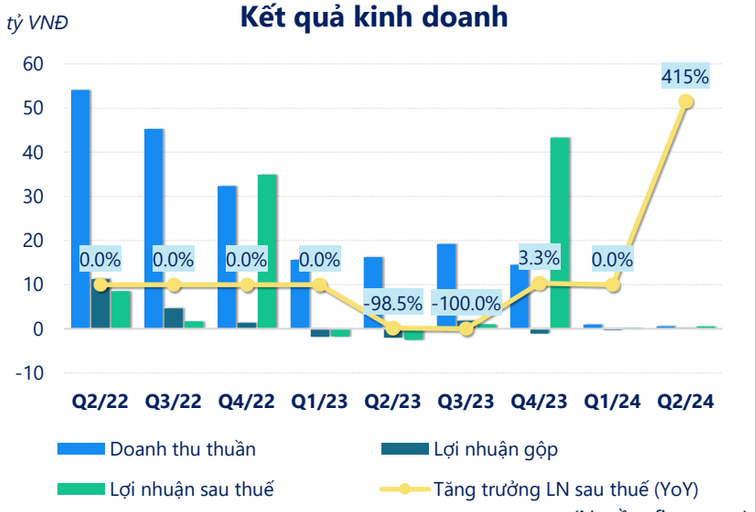


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

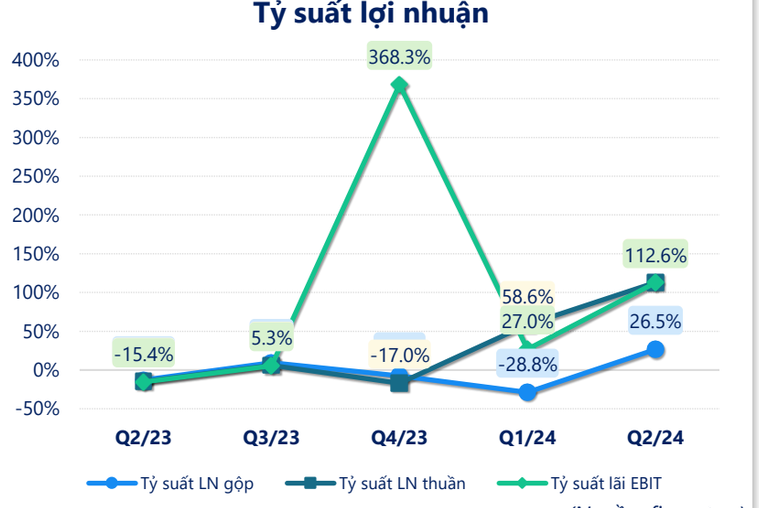


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi

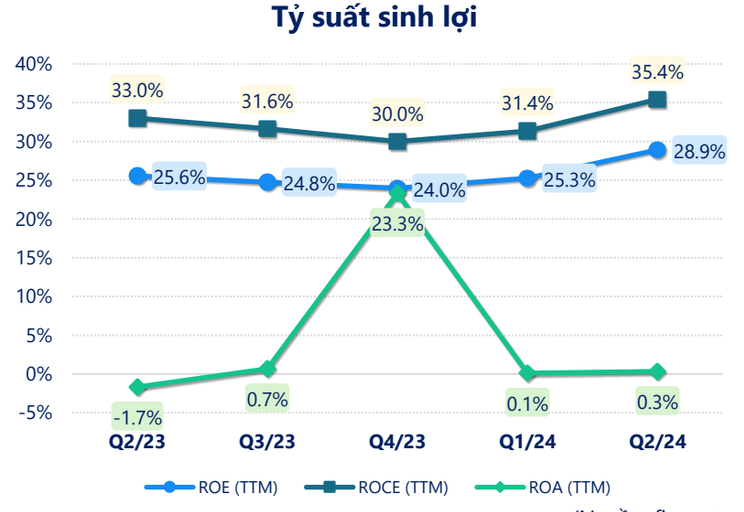


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản

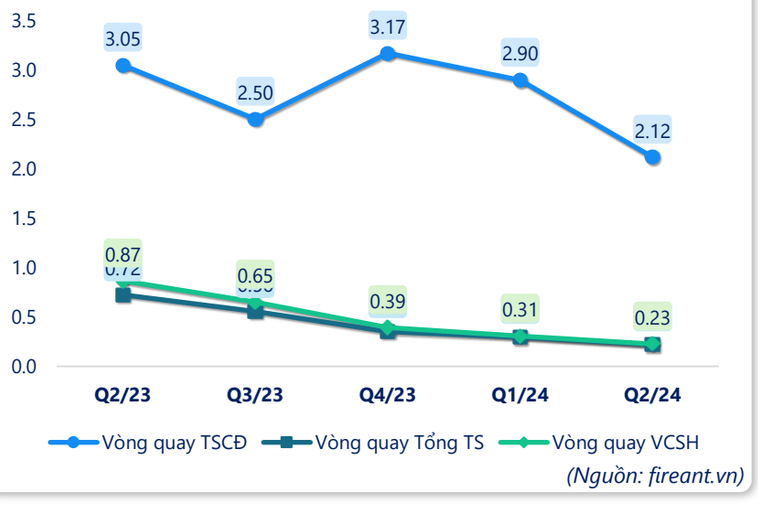


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản

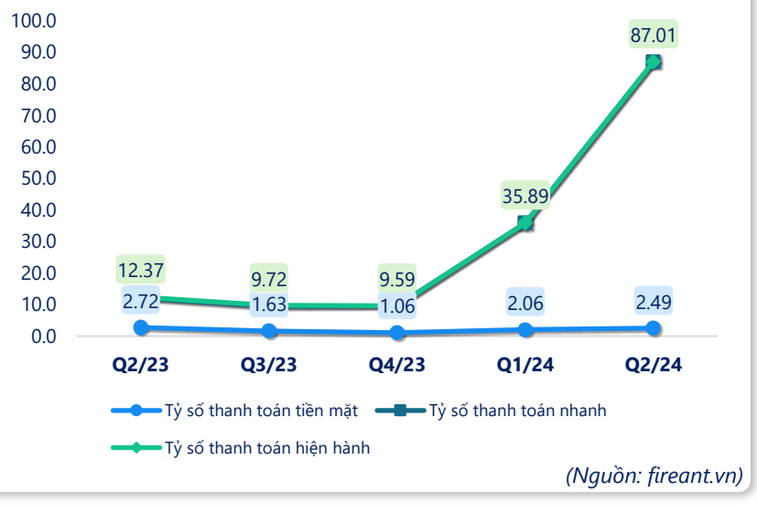


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền

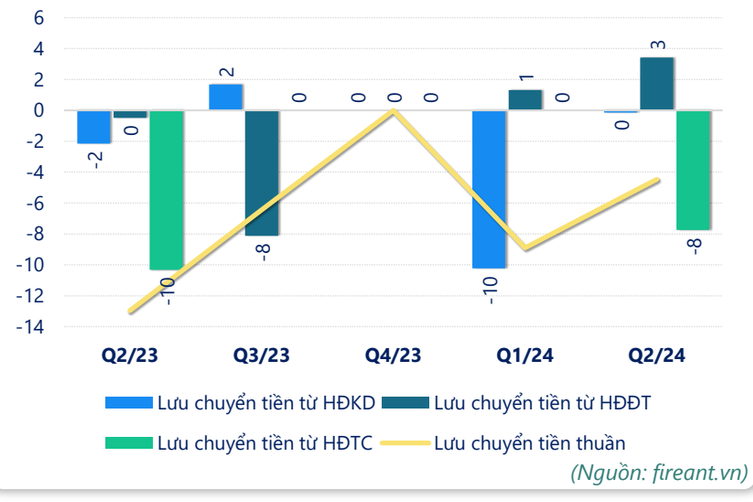


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

FireAnt

# CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 30/6/2024 | Tại ngày 31/12/2023 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **176** | **198** | **-10.8%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 134 | 155 | -13.4% |
| Tiền và tương đương tiền | 3.84 | 17.1 | -77.6% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 117 | 65.1 | 79.3% |
| Phải thu ngắn hạn | 2.71 | 61.4 | -95.6% |
| Hàng tồn kho | 0.08 | 0.14 | -39.1% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 11.0 | 11.3 | -2.4% |
| **Tài sản dài hạn** | **41.9** | **42.5** | **-1.3%** |
| Phải thu dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản cố định | 7.26 | 11.6 | -37.4% |
| Bất động sản đầu tư | 34.2 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 30.1 | -100% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản dài hạn khác | **0.48** | **0.78** | **-38.2%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 1.90 | 16.2 | -88.2% |
| **Nợ ngắn hạn** | **1.54** | **16.2** | **-90.4%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0.65 | 4.98 | -86.9% |
| **Nợ dài hạn** | 0.36 | 0 | |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **174** | **181** | **-3.9%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **174** | **181** | **-3.9%** |
| Vốn điều lệ | 86.0 | 86.0 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q2/23 | Q3/23 | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 16.2 | 19.2 | 14.5 | 0.97 | 0.58 |
| Giá vốn hàng bán | 18.3 | 17.3 | 15.6 | 1.25 | 0.42 |
| **Lợi nhuận gộp** | -2.06 | 1.84 | -1.10 | -0.28 | 0.15 |
| Doanh thu HĐTC | 1.47 | 1.60 | 1.43 | 2.30 | 1.73 |
| Chi phí TC | 0.01 | 0.00 | 0.00 | 0 | 0 |
| **Chi phí lãi vay** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0.34 | 0.22 | 0.32 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 1.42 | 2.08 | 2.47 | 1.45 | 1.23 |
| **LN thuần từ HĐKD** | -2.36 | 1.14 | -2.47 | 0.57 | 0.65 |
| Lợi nhuận khác | -0.14 | -0.12 | 55.8 | -0.31 | 0.00 |
| **LN trước thuế** | -2.50 | 1.02 | 53.3 | 0.26 | 0.65 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | -2.52 | 1.02 | 43.3 | 0.21 | 0.53 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | -2.52 | 1.02 | 43.3 | 0.21 | 0.53 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q2/23 | Q3/23 | Q4/23 | Q1/24 | Q2/24 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -2.16 | 1.68 | 0 | -10.2 | -0.15 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -0.49 | -8.12 | 0 | 1.32 | 3.42 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -10.3 | 0 | 0 | 0 | -7.74 |
| Tiền đầu kỳ | 35.7 | 22.8 | 0 | 17.1 | 8.24 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-13.0** | **-6.44** | **0** | **-8.90** | **-4.47** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0.04 | 0 | 0 | 0 | 0.06 |
| Tiền cuối kỳ | 22.8 | 16.4 | 0 | 8.24 | 3.84 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic